

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 09h30 - 21/09/2025 - Phòng : 508 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                       |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28218426714 | Đỗ Lê Danh            | 15/07/2004 | Đà Nẵng    | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28206203442 | Nguyễn Ái Thùy Dung   | 06/03/2004 | Quảng Ngãi | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 29204363096 | Thiều Ngọc Huyền      | 26/08/2005 | Đà Nẵng    | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28208001507 | Nguyễn Thị Cẩm Ly     | 26/02/2004 | Bình Định  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28208136280 | Nguyễn Thị Y Na       | 27/04/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28208102787 | Trần Thị Tuyết Ngân   | 10/05/2004 | Đà Nẵng    | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 29204322013 | Nguyễn Xuân Bảo Ngọc  | 28/09/2005 | Bình Định  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28212305952 | Phan Quốc Nhật        | 26/08/2004 | Quảng Trị  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28204627009 | Trần Phan Thục Nhi    | 25/06/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208006701 | Phan Thị Bích Nhi     | 24/04/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28207202579 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 10/05/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28208053568 | Huỳnh Tuyết Nữ        | 14/03/2003 | Bình Định  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28207253702 | Huỳnh Phạm Mai Phương | 25/01/2004 | Đà Nẵng    | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28207228766 | Võ Thị Ngọc Phượng    | 29/02/2004 | Đà Nẵng    | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28218141947 | Nguyễn Nhật Quốc      | 18/05/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28208152250 | Lê Thị Lệ Quyên       | 16/09/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 29209323383 | Trương Như Quỳnh      | 12/11/2005 | Bình Định  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 27207100174 | Nguyễn Thị Kim Hồng   | 01/08/2003 | Quảng Nam  | 30CBN3 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THI 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 09h30 - 21/09/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28218006044 | Phạm Minh Tây          | 13/06/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28211141086 | Huỳnh Công Thành       | 14/08/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28206204648 | Nguyễn Thu Thảo        | 04/07/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28207102307 | Nguyễn Thị Anh Thư     | 13/08/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28208151910 | Nguyễn Thị Thu Thủy    | 16/05/2004 | Quảng Nam  | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28208150674 | Hoàng Bùi Nguyên Trang | 01/01/2004 | Đà Nẵng    | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 27204301673 | Trịnh Thị Thảo Vân     | 11/02/2003 | Đà Nẵng    | 31SBN6 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28204600361 | Nguyễn Thị Minh Ánh    | 02/09/2004 | Hà Tĩnh    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 30218045947 | Trần Thị Út Chi        | 11/06/2006 | Đắk Lắk    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 27202443530 | Mang Thị Ngọc Hà       | 02/01/2003 | Gia Lai    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28212300849 | Phan Văn Hưng          | 02/11/2004 | Quảng Bình | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 24217208576 | Nguyễn Phan Huy        | 25/08/1998 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 29204950388 | Nguyễn Thị Thùy Linh   | 07/08/2005 | Quảng Bình | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 29209535871 | Lê Thị Mỹ Linh         | 23/11/2005 | Quảng Trị  | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 29204957291 | Trần Thị Ái Ly         | 19/08/2005 | Quảng Nam  | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28204653374 | Huỳnh Thị Bích Nguyên  | 07/07/2004 | Phú Yên    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 27207101004 | Trần Quỳnh Oanh        | 13/04/2003 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 27217133852 | Nguyễn Lê Kim Phụng    | 31/05/2002 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28204454163 | Đàm Mai Phương         | 13/08/2004 | Gia Lai    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28214903826 | Hà Phước Sơn           | 19/04/2004 | Quảng Bình | 31SHT4 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 09h30 - 21/09/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                        |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28212303613 | Nguyễn Minh Quốc       | 01/07/2004 | Hà Tĩnh    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28204901451 | Phan Nguyễn Ngọc Quỳnh | 19/10/2004 | Huế        | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 27203139503 | Nguyễn Thị Đan Thanh   | 07/12/2003 | Đắk Lắk    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 28208152323 | Trần Thị Thu Thao      | 13/09/2004 | Quảng Bình | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 28208152867 | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | 08/12/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 28208030194 | Nguyễn Thị Thêm        | 21/08/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28214602393 | Phạm Đức Thuận         | 25/05/2004 | Đắk Lắk    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28206546880 | Nguyễn Thị Thủy Tiên   | 12/11/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28204337623 | Trần Thị Hoài Trinh    | 08/08/2004 | Quảng Nam  | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28218136356 | Đặng Tiến Tuấn         | 06/12/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28206721483 | Phạm Thị Thanh Yên     | 04/05/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT6 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 29205224072 | Phạm Trần Phương Anh   | 04/01/2005 | Gia Lai    | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 28204302178 | Nguyễn Thị Hồng Diễm   | 09/01/2004 | Đắk Lắk    | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28206248976 | Nguyễn Thùy Diệu       | 15/03/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28208105595 | Đỗ Thị Hạnh            | 25/02/2004 | Quảng Nam  | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28208052295 | Nguyễn Thị Ngọc Hiếu   | 06/11/2004 | Thanh Hóa  | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28219346536 | Nguyễn Hữu Hoàng       | 11/02/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 28206550385 | Đinh Ngọc Minh Hương   | 28/08/2004 | Quảng Nam  | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 28208105291 | Lê Thị Mỹ Hương        | 16/01/2004 | Đắk Lắk    | 31SSC5 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 09h30 - 21/09/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT   | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|------------|---------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                  |           |            |            |         |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28208053169 | H Bươi           | Kbuôr     | 24/03/2004 | Đắk Lắk    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 2  | 28214603971 | Ngô Phạm Quốc    | Khánh     | 02/09/2004 | Quảng Nam  | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 3  | 28200422345 | Lê Thị Thùy      | Linh      | 20/09/2004 | Hà Tĩnh    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 4  | 29206323653 | Trương Thị Thùy  | Linh      | 12/12/2005 | Gia Lai    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 5  | 29206661637 | Nguyễn Diễm      | My        | 02/07/2005 | Gia Lai    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 6  | 28204354629 | Nguyễn Thị Thảo  | Nguyên    | 06/09/2004 | Đắk Lắk    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 7  | 28207505944 | Huỳnh Thị Phương | Nhung     | 01/05/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 8  | 28208005423 | Nguyễn Thị Loan  | Phương    | 19/03/2004 | Gia Lai    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 9  | 28208005673 | Hà Thanh         | Thảo      | 17/03/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208053626 | Dương Thị Minh   | Thảo      | 10/03/2004 | Đắk Nông   | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 11 | 28208031328 | Dương Thị Ngọc   | Thư       | 27/10/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 12 | 28208036094 | Nguyễn Thị Thanh | Trâm      | 24/02/2004 | Quảng Nam  | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 13 | 28203630418 | Đinh Thị Thu     | Trang     | 05/09/2004 | Thanh Hóa  | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 14 | 28208005206 | Trương Thị Kim   | Trình     | 04/08/2004 | Quảng Nam  | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 15 | 28213653033 | Lê Quang         | Trường    | 28/02/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 16 | 28206203537 | Nguyễn Lê Tường  | Vi        | 20/11/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC5  |        |        |      |     |          |
| 17 | 29206846821 | Nguyễn Thị       | Huệ       | 21/04/2005 | Nghệ An    | 31TBN8  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 18 | 29206565322 | Lê Thị           | Lan       | 06/01/2005 | Nghệ An    | 31TBN8  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 19 | 29206845415 | Nguyễn Thị       | Trang     | 07/10/2005 | Nghệ An    | 31TBN8  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 20 | 27205450349 | Nguyễn Thị Ngọc  | Lan       | 02/06/2003 | Đắk Lắk    | 31THT10 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 21 | 28206238575 | Hồ Thị Yên       | Nhi       | 26/06/2004 | Đắk Lắk    | 31THT9  |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**